

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC



ISO 9001 : 2015

Khóa 10 - đợt 01, năm 2021

Sổ tay học viên

Chương trình đào tạo thạc sĩ

Phòng Đào tạo Sau đại học - Trường Đại học Trà Vinh

Tòa nhà A1. Số 126, đường Nguyễn Thiện Thành, P. 5, TP. Trà Vinh.

Điện thoại: (84-0294) 3 779 888

website: sdh.tvu.edu.vn, Email: sdh@tvu.edu.vn

DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ VÀ THẠC SĨ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

1. Tiến sĩ

STT	Ngành	Mã ngành
01	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn	9140111
02	Văn hóa học	9229040
03	Quản trị kinh doanh	9340101
04	Quản lý kinh tế	9310110
05	Luật kinh tế	9380107
06	Phát triển nông thôn	9620116
07	Thú y	9640101
08	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	9140111
09	Tài chính - Ngân hàng	9340201
10	Công nghệ thông tin	9340201

2. Thạc sĩ

Stt	Ngành	Mã ngành	Stt	Ngành	Mã ngành
1	Kế toán	8340301	14	Y tế công cộng	8720701
2	Quản lý kinh tế	8310110	15	Luật dân sự và tổ tụng dân sự	8380103
3	Quản trị kinh doanh	8340101	16	Luật kinh tế	8380107
4	Tài chính - Ngân hàng	8340201	17	Luật hiến pháp và luật hành chính	8380102
5	Chính sách công	8340402	18	Luật hình sự và tổ tụng hình sự	8380104
6	Kỹ thuật điện	8520201	19	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn	8140111
7	Phát triển nông thôn	8620116	20	Văn hoá học	8229040
8	Thú y	8640101	21	Quản lý giáo dục	8140114
9	Nuôi trồng thủy sản	8620301	22	Giáo dục học (Giáo dục tiểu học)	8140101
10	Kỹ thuật hóa học	8520301	23	Giáo dục học (Giáo dục mầm non)	8140101
11	Kỹ thuật Cơ khí	8520103	24	Quản lý công	8340403
12	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	8580205	25	Công nghệ thông tin	8480201
13	Quản lý y tế	8720801	26	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	8140111

SỔ TAY DÀNH CHO HỌC VIÊN

Phòng Đào tạo Sau đại học (ĐTSDH) phát hành Sổ tay dành cho học viên cao học vào đầu mỗi năm học, nhằm cung cấp những thông tin cần thiết về đào tạo sau đại học của Trường Đại Học Trà Vinh (TVU) để học viên cao học có lập kế hoạch, tổ chức công việc học tập của mình một cách hợp lý nhất.

Học viên có thể tìm hiểu chi tiết thêm về các quy chế, quy định hiện hành trên website Phòng Đào tạo Sau đại học <https://sdh.tvu.edu.vn>

THÔNG TIN LIÊN HỆ CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH TRONG QUÁ TRÌNH PHỐI HỢP QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

<i>Khoa chuyên ngành</i>	<i>Tòa nhà</i>	<i>Số điện thoại</i>	<i>Website</i>
Khoa Ngôn ngữ Văn hóa Nghệ thuật Khmer Nam Bộ	Tòa nhà E3 (E31.104)	02943 855246 (240)	https://lca.tvu.edu.vn
Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Tòa nhà C5 (C51.102)	02943 855246 (203)	https://kctn.tvu.edu.vn
Khoa Kinh tế, Luật	Tòa nhà B1 (B11.305)	02943 855246 (265)	https://el.tvu.edu.vn
Khoa Nông nghiệp – Thủy sản	Tòa nhà B5 (B51.109)	02943 855246 (130)	https://nnts.tvu.edu.vn
Khoa Y – Dược	Tòa nhà C1 (C11.103)	02943 855246 (215)	https://khoay.tvu.edu.vn
Khoa Quản lý Nhà nước, Quản trị Văn phòng	Tòa nhà B1 (B11.108)	02943 855246 (101)	https://qtvpm.tvu.edu.vn
Khoa Sư Phạm	Tòa nhà D6 (D61.307)	02943 855246 (321)	https://khoasupham.tvu.edu.vn
Khoa Ngoại ngữ	Tòa nhà B1 (B11.207)	02943 855246 (108)	https://fl.tvu.edu.vn
Khoa Hóa học Ứng dụng	Tòa nhà D6 (D61.101)	02943 855246 (148)	https://hhud.tvu.edu.vn
Phòng ban	Tòa nhà	Số điện thoại	Website
Phòng Đào tạo Sau đại học	Tòa nhà A1 (A11.101)	02943 779 888	https://sdh.tvu.edu.vn
Viện Phát triển Nguồn lực	Tòa nhà B1 (B11.106)	02946 274222	https://rdi.tvu.edu.vn
Phòng Kế hoạch Tài Vụ	Tòa nhà A1 (A11.301)	02943 855246 (118)	https://taivu.tvu.edu.vn
Trung tâm Học liệu	Tòa nhà B7 (B71.502)	02943 855246 (232)	https://lrc.tvu.edu.vn
Tạp chí Khoa học	Tòa nhà B1 (B11.126)	02943 855246 (187)	https://tckh.tvu.edu.vn
Phòng Quản trị Thiết bị	Tòa nhà A1 (A11.211)	02943 855246 (146)	https://thietbi.tvu.edu.vn
Phòng Thanh tra Pháp chế	Tòa nhà A1 (A11.406)	02943 855246 (143)	http://thanhtra.tvu.edu.vn
Ban Phát triển Hệ thống Công nghệ Thông tin	Tòa nhà A1 (A11.408)	02943 855246 (236)	https://bdits.tvu.edu.vn

I. Nội dung học phần trong chương trình đào tạo:

1) Ngành: Quản lý y tế

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng Số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
1	QTTH	801	Triết học	3	45	
2	QTTA	843	Tiếng Anh	2	30	
3	QTYX	803	Y đức – Xã hội học	2	30	
4	QTQY	803	Quản lý - Chính sách y tế	2	30	
5	QTPN	805	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	3	60	
6	QTTQ	838	Thực hành quản lý bệnh không lây và phòng chống dịch mới nổi tại y tế cơ sở	2	90	
7	QTTK	834	Thống kê y sinh học thực hành	3	60	
8	QTQL	841	Quản lý bệnh viện	3	60	
9	QTKN	813	Kỹ năng lãnh đạo ngành y tế	3	60	
10	QTCT	820	Công tác xã hội trong bệnh viện	3	60	
11	QTAL	827	An toàn vệ sinh lao động trong các cơ sở y tế	3	60	
12	QTDG	824	Đánh giá kinh tế y tế	3	60	
13	QTBV	842	Thực hành quản lý và đánh giá bệnh viện	3	135	
14			Xét duyệt đề cương luận văn thạc sĩ			
15	QTLV	838	Luận văn	25		
Tổng cộng				60		

2) Ngành: Y tế công cộng

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng Số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
1	YCTH	801	Triết học	3	45	
2	YCTA	840	Tiếng Anh	2	30	
3	YCYX	803	Y đức – Xã hội học	2	30	
4	YCQY	808	Quản lý - Chính sách y tế	2	30	
5	YCPN	805	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	3	60	
6	YCTQ	837	Thực hành quản lý bệnh không lây và phòng chống dịch mới nổi tại y tế cơ sở	2	90	
7	YCTK	804	Thống kê y sinh học thực hành	3	60	
8	YCKN	813	Kỹ năng lãnh đạo ngành y tế	3	60	
9	YCNS	809	Nâng cao sức khỏe	3	60	
10	YCDT	837	Dịch tễ học nâng cao	3	60	
11	YCYC	838	Y học chứng cứ	3	60	
12	YCDG	820	Đánh giá kinh tế y tế	3	60	
13	YCDS	811	Dân số và sức khỏe	3	60	
14			Xét duyệt đề cương luận văn thạc sĩ			
15	YCLV	835	Luận văn	25		
Tổng cộng				60		

3) Ngành: Công nghệ thông tin

a) Hướng nghiên cứu

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng Số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
1	TTTH	501	Triết học	3	45	
2	TTPN	803	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	45	
3	TTCP	503	Công nghệ phần mềm nâng cao	3	45	
4	TTTG	504	Phân tích và thiết kế giải thuật nâng cao	3	45	
5	TTCM	505	Công nghệ mạng và truyền thông	3	60	
6	TTTN	506	Trí tuệ nhân tạo nâng cao	3	60	
7	TTHQ	508	Hệ hỗ trợ quyết định	3	45	
8	TTKD	509	Khai phá dữ liệu	3	60	
9	TTXA	510	Xử lý ảnh	3	45	
10	TTNA	511	Nhận dạng đối tượng và nội dung ảnh	3	45	
11	TTMM	514	Mã hóa và mật mã	3	45	
12	TTAT	517	An toàn hệ thống thông tin	3	60	
13	TTTA	802	Tiếng Anh	2	30	
14			Xét duyệt đề cương luận văn thạc sĩ	0		
15	TTLN	825	Luận văn thạc sĩ hướng nghiên cứu	25		
Tổng cộng				62		

b) Hướng ứng dụng

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng Số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
1	TTTH	501	Triết học	3	45	
2	TTPN	803	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	45	
3	TTCP	503	Công nghệ phần mềm nâng cao	3	45	
4	TTTG	504	Phân tích và thiết kế giải thuật nâng cao	3	45	
5	TTCM	505	Công nghệ mạng và truyền thông	3	60	

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng Số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
6	TTTN	506	Trí tuệ nhân tạo nâng cao	3	60	
7	TTHQ	508	Hệ hỗ trợ quyết định	3	45	
8	TTKD	509	Khai phá dữ liệu	3	60	
9	TTXA	510	Xử lý ảnh	3	45	
10	TTNA	511	Nhận dạng đối tượng và nội dung ảnh	3	45	
11	TTMM	514	Mã hóa và mật mã	3	45	
12	TTCD	507	Cơ sở dữ liệu nâng cao	3	60	
13	TTNT	513	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	3	60	
14	TTTA	802	Tiếng Anh	2	30	
15			Xét duyệt đề cương luận văn thạc sĩ	0		
16	TTLN	820	Luận văn thạc sĩ	20		
Tổng cộng				60		

4) Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng Số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
1	KXTH	801	Triết học	3	45	
2	KXPN	802	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	
3	KXTA	830	Tiếng Anh	2	30	
4	KXLT	804	Lý thuyết tối ưu	2	30	
5	KXPS	805	Phương pháp số trong tính toán kết cấu	2	45	
6	KXCD	806	Cơ học đất nâng cao	2	45	
7	KXKC	807	Kết cấu và công nghệ tiên tiến trong xây dựng cầu, hầm	3	60	
8	KXĐH	809	Đo đạc hiện đại trong xây dựng	2	45	
9	KXVX	810	Vật liệu xây dựng nâng cao	2	30	
10	KXTT	811	Chuyên đề kỹ thuật	2	60	
11	KXKC	815	Kết cấu và công nghệ tiên tiến trong xây dựng móng móng, trụ cầu	2	30	

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng Số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
12	KXNM	808	Công trình nền – mặt đường nâng cao	2	30	
13	KXOĐ	813	Ổn định nền đường qua vùng đặc biệt	2	45	
14	KXKK	814	Quản lý, khai thác và kiểm định công trình đường	2	45	
15	KXKK	816	Quản lý khai thác và kiểm định cầu	2	45	
16	KXQX	818	Quản lý xây dựng công trình giao thông	2	30	
17	KXĐT	820	Quy hoạch và thiết kế đường đô thị	2	45	
18	KXLT	822	Lý thuyết độ tin cậy và tuổi thọ công trình	2	30	
19	KXBC	824	BIM & công nghệ ứng dụng trong xây dựng công trình giao thông	2	45	
20	KXKĐ	827	Kinh tế đầu tư xây dựng nâng cao	2	30	
21			Xét duyệt đề cương luận văn thạc sĩ			
22	KXLV	829	Luận văn	20		
Tổng cộng				62		

5) Ngành: Thú y (đối tượng tốt nghiệp ĐH dưới 150TC)

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Số tiết
	Phần chữ	Phần số				
1	TYTH	501	Triết học	3	3	
2	TYNN	836	Tiếng Anh	2	2	
3	TYTK	504	Thống kê ứng dụng trong thú y	2	45	
4	TYPP	507	Phương pháp nghiên cứu trong thú y	2	45	
5	TYPT	506	Sinh học phân tử	2	30	
6	TYĐC	513	Độc chất học Thú y	2	45	
7	TYCS	510	Công nghệ sinh học ứng dụng trong thú y	2	30	
8	TYBL	515	Bệnh lý và sinh lý bệnh nâng cao	2	45	

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Số tiết
	Phần chữ	Phần số				
9	TYDL	517	Dược lý học thú y nâng cao	2	45	
10	TYTN	516	Bệnh truyền nhiễm vật nuôi nâng cao	3	60	
11	TYKS	518	Ký sinh trùng học thú y nâng cao	2	45	
12	TYDT	519	Dịch tễ học thú y nâng cao	2	30	
13	TYNC	523	Bệnh nội khoa thú y nâng cao	2	45	
14	TYNK	522	Ngoại khoa thú y nâng cao	2	45	
15	TYSK	520	Bệnh sản khoa vật nuôi nâng cao	2	45	
16	TYMD	514	Miễn dịch học thú y nâng cao	2	30	
17	TYAT	529	An toàn sinh học trong chăn nuôi thú y	2	45	
18	TYBV	837	Bệnh truyền lây từ động vật sang người	2	30	
19	TYDD	527	Bệnh dinh dưỡng	2	30	
20	TYCM	528	Bệnh chó mèo	2	45	
21	TYCĐ	521	Thú y và sức khỏe cộng đồng	2	45	
22			Xét duyệt đề cương luận văn			
23	TYLV	834	Luận văn	20		
Tổng cộng				64		

6) Ngành: Thú y (đối tượng tốt nghiệp ĐH trên 150TC)

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
1	TYTH	501	Triết học	3	45	
2	TYNN	836	Tiếng Anh	2	30	
3	TYTK	504	Thống kê ứng dụng trong thú y	2	45	
4	TYPP	507	Phương pháp nghiên cứu trong thú y	2	45	

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
5	TYCS	510	Công nghệ sinh học ứng dụng trong thú y	2	30	
6	TYBL	515	Bệnh lý và sinh lý bệnh nâng cao	2	45	
7	TYDL	517	Dược lý học thú y nâng cao	2	45	
8	TYTN	516	Bệnh truyền nhiễm vật nuôi nâng cao	3	60	
9	TYDT	519	Dịch tễ học thú y nâng cao	2	30	
10	TYNC	523	Bệnh nội khoa thú y nâng cao	2	45	
11	TYNK	522	Ngoại khoa thú y nâng cao	2	45	
12	TYSK	520	Bệnh sản khoa vật nuôi nâng cao	2	45	
13			Xét duyệt đề cương luận văn			
14	TYLV	838	Luận văn	10		
			Tổng cộng	36		

7) Ngành: Nuôi trồng thủy sản

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
1	TSTH	801	Triết học	3	45	
2	TSTA	832	Tiếng Anh	2	30	
3	TSMT	804	Quản lý môi trường nuôi trồng thủy sản	3	60	
4	TSTK	805	Thống kê ứng dụng trong thủy sản	2	45	
5	TSNC	803	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	30	
6	TSST	808	Các hệ sinh thái thủy vực	2	30	
7	TSĐT	809	Độc tố và hoá chất trong nuôi trồng thủy sản	2	30	
8	TSTT	814	Thực tập giáo trình Nuôi trồng Thủy sản	3	90	
9	TSUD	817	Ứng dụng công nghệ sinh học trong Nuôi trồng Thủy sản	2	30	

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
10	TSXD	824	Xây dựng và thẩm định dự án thủy sản	2	30	
11	TSDT	812	Di truyền và chọn giống	2	30	
12	TSPT	823	Phân tích chuỗi giá trị nông nghiệp	2	30	
13	TSMD	828	Miễn dịch học và vaccine	2	30	
14	TSCN	815	Công nghệ nuôi thủy sản	2	30	
15	TSSX	819	Công nghệ sản xuất giống thủy sản	2	30	
15	TSAV	818	Anh văn chuyên ngành	2	30	
16			Xét duyệt đề cương luận văn			
17	TSLV	831	Luận văn	25		
Tổng cộng				60		

8) Ngành: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
1	LATH	501	Triết học	4	60	
2	LANA	806	Theories of Language Teaching and Learning (Lý thuyết dạy và học ngôn ngữ)	3	60	
3	LAVH	505	Academic Writing (Viết tiếng Anh học thuật)	2	45	
4	LAGT	516	Teaching English to Young Learners (Giảng dạy tiếng Anh thiếu nhi)	2	45	
5	LATN	509	Second Language Acquisition (Tiếp thu ngôn ngữ thứ hai)	3	60	
6	LAPP	807	English Teaching Methodology (Phương pháp giảng dạy tiếng Anh)	3	60	
7	LANC	803	Second Language Research Methods (Phương pháp nghiên cứu khoa học ngôn ngữ thứ hai)	2	45	
8	LADN	511	Language Testing (Đánh giá ngôn ngữ)	2	45	
9	LAVG	804	Literature and Language Teaching (Văn học và giảng dạy ngôn ngữ)	2	45	

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Ghi chú
	Phân chữ	Phân số				
10	LABT	805	Language Curriculum, Materials Development & Assessment (Phát triển & Đánh giá chương trình đào tạo và tài liệu giảng dạy)	3	60	
11	LACN	529	Information and Communication Technologies in the Teaching and Learning of Foreign Languages (Công nghệ thông tin trong giảng dạy)	3	60	
12	LASS	530	Statistics in Social Sciences (Thống kê xã hội học)	3	60	
13	LAEP	527	Pronunciation for English Teaching (Phát âm trong giảng dạy tiếng Anh)	3	60	
14	LAHV	802	Ngoại ngữ	2	30	
15			Xét duyệt đề cương luận văn thạc sĩ			
16	LALV	825	Thesis (Luận văn)	25		
Tổng cộng				62		

9) Ngành: Quản trị kinh doanh

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Ghi chú
	Phân chữ	Phân số				
1	QKTH	501	Triết học	4	60	
2	QKTA	802	Ngoại Ngữ (Tiếng Anh)	2	30	
3	QKNC	803	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	45	
4	QKUQ	804	Ứng dụng kinh tế học trong quản lý	3	60	
5	QKVH	805	Quản trị vận hành doanh nghiệp	3	60	
6	QKĐM	806	Chiến lược đổi mới và hội nhập	3	60	
7	QKRR	807	Quản lý rủi ro và thay đổi	3	60	
8	QKDA	808	Quản lý dự án	3	60	
9	QKTC	813	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	60	
10	QKCN	814	Quản trị con người và tổ chức	3	60	

11	QKKD	815	Nghiên cứu trong kinh doanh	3	60	
12	QKQT	824	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	60	
13			Xét duyệt đề cương luận văn tốt nghiệp			
14	QKLV	825	Bảo vệ luận văn (theo định hướng nghiên cứu)	25		
Tổng cộng				60		

10) Ngành: Quản lý kinh tế

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
1	QKTH	501	Triết học	4	60	
2	QKTA	802	Ngoại ngữ	2	30	
3	QKUQ	804	Ứng dụng Kinh tế học trong quản lý	3	60	
4	QKNC	803	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	45	
5	QKPC	806	Phân tích chính sách về kinh tế	3	60	
6	QKDL	826	Phân tích định lượng	3	60	
7	QKQC	815	Quản lý công	3	45	
8	QKCT	818	Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế	3	45	
9	QKCN	814	Quản trị con người và tổ chức	3	60	
10	QKQL	805	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	45	
11	QKTC	813	Tài chính công	3	60	
12	QKLQ	809	Lập kế hoạch và quản lý tài chính	3	60	
13			Xét duyệt đề cương luận văn tốt nghiệp			
14	QKLV	825	Luận văn	25		
Tổng cộng				60		

11) Ngành: Tài chính - Ngân hàng

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
1	TNTH	501	Triết học	4	60	
2	TNNC	803	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	45	
3	TNTC	504	Tài chính công	2	45	
4	TNPT	817	Tài chính phát triển	2	45	
5	TNCT	814	Tái cấu trúc sáp nhập và mua lại công ty	2	45	
6	TNTD	807	Tài chính doanh nghiệp	2	45	
7	TNQT	808	Quản trị rủi ro tài chính doanh nghiệp và hiệp ước Basel	2	45	
8	TNKT	804	Kinh tế học Tài chính Ngân hàng	2	45	
9	TNBH	818	Bảo hiểm	1	30	
10	TNNH	811	Ngân hàng đầu tư	2	45	
11	TNKN	805	Kinh tế lượng trong Tài chính Ngân hàng	2	45	
12	TNQD	809	Quản trị định chế tài chính	2	45	
13	TNLN	806	Luật Ngân hàng	2	45	
11	TNCS	810	Phân tích chính sách	2	45	
14	TNTM	815	Ngân hàng thương mại hiện đại	2	45	
15	TNQN	821	Ngân hàng quốc tế nâng cao	2	45	
16	TNTA	802	Tiếng Anh	2	30	
17			Xét duyệt đề cương luận văn thạc sĩ			
18	TNLV	825	Luận văn thạc sĩ	25		
Tổng cộng				60		

12) Ngành: Luật kinh tế

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
1	LKTH	501	Triết học	4	60	
2	LKNC	525	Phương pháp nghiên cứu khoa học luật	2	45	
3	LKDN	526	Pháp luật về doanh nghiệp	3	45	
4	LKLT	527	Pháp luật về thuế	2	45	
5	LKĐT	536	Pháp luật về đầu tư	2	45	
6	LKLA	511	Pháp luật lao động và Pháp luật An sinh xã hội	3	45	
7	LKCT	532	Pháp luật về cạnh tranh	2	45	
8	LKĐT	533	Pháp luật về đấu thầu	2	45	
9	LKHĐ	538	Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh thương mại	2	45	
10	LKTC	516	Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại	3	45	
11	LKTT	535	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại	2	45	
12	LKKB	540	Pháp luật về Kinh doanh bất động sản	3	45	
13	LKCK	543	Pháp luật về Chứng khoán và thị trường chứng khoán	3	45	
14	LKTA	524	Tiếng Anh	2	30	
15			Xét duyệt đề cương			
16	LKLV	549	Luận văn	25		
Tổng cộng				60		

13) Ngành: Luật dân sự và tố tụng dân sự

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
1	LDTH	501	Triết học	4	60	
2	LDNC	530	Phương pháp nghiên cứu khoa học luật	2	45	
3	LDCT	531	Pháp luật về Chủ thể quan hệ pháp luật dân sự	2	45	
4	LDCP	532	Chủ thể trong pháp luật tố tụng dân sự	2	45	
5	LDTK	533	Pháp luật về Thừa kế	2	45	
6	LDHĐ	534	Pháp luật về Hợp đồng	2	45	
7	LDTT	549	Pháp luật về Trình tự thủ tục tố tụng dân sự	1	30	
8	LDS	538	Pháp luật về tài sản	2	45	
9	LDTG	541	Pháp luật về tài sản trong hôn nhân gia đình	2	30	
10	LDTD	525	Pháp luật về Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	30	
11	LDKB	546	Kỹ năng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự tại phiên tòa	2	30	
12	LDGQ	544	Giải quyết các vụ việc dân sự tại Tòa án	2	45	
13	LDTN	522	Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của pháp nhân	2	30	
14	LDNV	536	Pháp luật về đảm bảo nghĩa vụ	2	45	
15	LDLĐ	543	Pháp luật về Hợp đồng lao động	2	45	
16	LDCC	551	Chứng cứ - chứng minh trong tố tụng dân sự	2	45	
17	LDTA	554	Tiếng Anh	2	30	
18			Xét duyệt đề cương			
19	LDLV	553	Luận văn	25		

14) Ngành: Luật hiến pháp và luật hành chính

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
1	LHTH	501	Triết học	4	60	
2	LHPC	526	Phương pháp nghiên cứu khoa học luật	2	45	
3	LHHP	527	Lý luận chung về Luật Hiến pháp	2	45	
4	LHHC	533	Lý luận chung về Luật Hành chính	2	45	
5	LHCC	507	Lý luận về Hành chính công	2	45	
6	LHCN	528	Quyền con người và quyền công dân	2	45	
7	LHBH	529	Chế độ bảo hiến	2	45	
8	LHKS	532	Cơ chế phân công, phối hợp về kiểm soát quyền lực nhà nước	1	30	
9	LHQĐ	530	Những vấn đề cơ bản về Quyết định hành chính nhà nước	2	45	
10	LHCV	523	Pháp luật về công chức viên chức	2	30	
11	LHCS	509	Luật Hành chính so sánh	2	30	
12	LHPS	510	Luật Hiến pháp so sánh	2	30	
13	LHPC	531	Tài phán hành chính	2	45	
14	LHTN	521	Trách nhiệm hành chính và cưỡng chế hành chính	2	30	
15	LHCD	520	Chế độ công vụ, dịch vụ công	2	30	
16	LHPT	522	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	2	30	
17	LHTA	544	Tiếng Anh	2	30	
18			Xét duyệt đề cương luận văn thạc sĩ			
19	LHLV	543	Luận văn	25		
Tổng cộng				60		

15) Ngành: Giáo dục học (Giáo dục mầm non)

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
1	GMTH	801	Triết học	4	60	
3	GMKH	803	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	45	
4	GMTL	804	Các lý thuyết về sự phát triển tâm lý trẻ em	2	45	
5	GMDH	805	Lý luận dạy học hiện đại	2	45	
6	GMHĐ	806	Tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non	2	45	
7	GMNN	807	Hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	60	
8	GMNT	808	Phát triển khả năng sáng tạo của trẻ mầm non trong hoạt động nghệ thuật	2	45	
9	GMTC	809	Đổi mới tổ chức HĐ GDTC cho trẻ MN dựa trên kinh nghiệm thế giới	2	45	
10	GMTP	810	Dạy tác phẩm văn học thiếu nhi	2	45	
11	GMTD	811	Phát triển tư duy cho trẻ qua hoạt động làm quen với toán và môi trường xung quanh	3	60	
12	GMMT	812	Tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ mầm non	3	60	
13	GMCT	814	Phát triển chương trình giáo dục mầm non	2	45	
14	GMTE	815	Tâm lý học nhân cách trẻ em	2	45	
15	GDKN	817	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	2	45	
16	GMĐB	818	Can thiệp sớm cho trẻ giáo dục đặc biệt	3	45	
17	GMVH	819	Xây dựng văn hóa nhà trường và môi trường tâm lý – xã hội trong giáo dục trẻ mầm non	2	45	
18	GMTA	802	Tiếng Anh	2	30	
19			Xét duyệt đề cương luận văn thạc sĩ			
20	GMLV	820	Luận văn	20		
Tổng cộng				60		

16) Ngành: Quản lý giáo dục

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
1	QGTH	501	Triết học	4	60	
2	QGNC	503	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	45	
3	QGTL	804	Tâm lý học quản lý và ứng dụng tâm lý học trong quản lý giáo dục	2	45	
4	QGCD	805	Chính sách chiến lược và đo lường đánh giá trong giáo dục	2	45	
5	QGLQ	507	Lý luận quản lý giáo dục	2	45	
6	QGVH	807	Quản lý văn hóa và tài chính trong nhà trường	2	45	
7	QGNL	808	Quản lý nguồn nhân lực và sự thay đổi trong giáo dục	2	45	
8	QGCL	510	Quản lý chất lượng trong giáo dục	2	45	
9	QGPT	810	Sự phát triển của các quan điểm giáo dục hiện đại và giáo dục so sánh	2	45	
10	QGCT	517	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục	2	45	
11	QGDG	518	Quản lý quá trình dạy học và giáo dục trong nhà trường	3	60	
12	QGVC	519	Quản lý cơ sở vật chất và thiết bị trong giáo dục	2	45	
13	QGKQ	815	Khoa học quản lý giáo dục và nhà trường	2	45	
14	QGKN	521	Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống	2	45	
15	QGSM	817	Xây dựng sứ mệnh và quản lý chiến lược tổ chức trong giáo dục	2	45	
16	QGTA	802	Tiếng Anh	2	30	
17			Xét duyệt đề cương luận văn thạc sĩ			
18	QTLV	825	Luận văn	25		
Tổng cộng				60		

17) Ngành: Giáo dục học (Giáo dục tiểu học)

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
1	GMTH	801	Triết học	4	60	
2	GTNC	830	Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở tiểu học	2	45	
3	GTDH	831	Lý luận dạy học và giáo dục hiện đại	2	45	
4	GTĐG	832	Đánh giá trong giáo dục tiểu học	2	45	
5	GTCN	833	Cơ sở ngôn ngữ học của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	2	45	
6	GTCL	834	Cơ sở logic của môn Toán tiểu học	2	45	
7	GTCK	835	Cơ sở khoa học của dạy học Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học	2	45	
8	GTĐĐ	836	Giáo dục Đạo đức ở tiểu học	2	45	
9	GTTT	837	Tâm lý học tham vấn	2	45	
10	GTDT	838	Dạy học tích hợp trong môn Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học	2	45	
11	GTDP	541	Dạy học phát triển năng lực học sinh tiểu học	2	45	
12	GTDN	843	Dạy học Tiếng Việt phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh tiểu học	3	60	
13	GTVD	846	Vận dụng phương pháp tích cực trong dạy học toán nâng cao ở tiểu học	3	60	
14	GTCĐ	852	Các chuyên đề: về chủ trương đổi mới chương trình và sách giáo khoa phổ thông mới (Dạy học Toán, Tiếng Việt, Khoa học, Đạo đức)	3	45	
15	GMTA	829	Tiếng Anh	2	30	
16			Xét duyệt đề cương luận văn thạc sĩ			
17	QTLV	856	Luận văn	25		
Tổng cộng				60		

18) Ngành: Quản lý công

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
1	QCTH	501	Triết học	4	60	
2	QCTA	802	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	2	30	
3	QCNC	803	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	45	
4	QCCC	817	Công vụ - công chức	3	45	
5	QCCT	804	Chính trị học trong quản lý công	3	45	
6	QCLA	805	Luật trong quản lý công	3	45	
7	QCSS	818	Hành chính so sánh	3	45	
8	QCBM	808	Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	3	45	
9	QCNL	807	Quản lý nguồn nhân lực trong khu vực công	3	45	
10	QCCĐ	811	Chính phủ điện tử	3	45	
11	QCPC	816	Phân công, phân cấp trong quản lý hành chính nhà nước	3	45	
12	QCDH	813	Quản lý và điều hành tổ chức công	3	45	
13			Xét duyệt đề cương luận văn Thạc sĩ			
14	QCLV	825	Luận văn	25		
Tổng cộng				60		

19) Ngành: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
1	LPTH	801	Triết học	4	60	
2	LPĐH	803	Lý luận dạy học đại học	3	45	
3	LPNC	804	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	3	45	

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
4	LPCG	813	Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018	2	45	
5	LPNG	810	Nghiên cứu và giảng dạy văn học từ góc nhìn văn hóa	2	45	
6	LPTG	809	Lý thuyết tiếp nhận văn học với nghiên cứu và giảng dạy văn học	2	45	
7	LPTN	805	Phương pháp dạy học tiếp nhận văn bản	3	60	
8	LPTL	806	Phương pháp dạy học tạo lập văn bản	3	60	
9	LPPT	807	Dạy học Ngữ văn theo định hướng phân hóa và tích hợp	2	45	
10	LPĐG	808	Đánh giá năng lực trong dạy học Ngữ văn	2	45	
11	LPDT	815	Dạy học tác phẩm văn chương theo đặc trưng loại thể	3	60	
12	LPTT	818	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Ngữ văn	3	60	
13	LPTK	822	Thiết kế kế hoạch dạy học (giáo án) Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực	3	60	
14	LPDV	823	Dạy học văn học địa phương trong nhà trường	3	60	
15	LPTA	802	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	2	30	
16			Xét duyệt đề cương luận văn thạc sĩ			
17	LPLV	820	Luận văn	20		
Tổng cộng				60		

20) Ngành: Văn hóa học

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
1	VNTH	501	Triết học	4	60	
2	VNNN	802	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	2	30	
3	VHLL	503	Lý luận văn hoá	2	30	

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số				
4	VHPP	504	Phương pháp nghiên cứu văn hoá	3	45	
5	VHLS	548	Lịch sử văn hoá Việt Nam và thế giới	3	45	
6	VHKH	549	Ký hiệu học văn hoá	3	45	
7	VHTS	551	Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam	2	30	
8	VHĐV	556	Địa văn hoá và các vùng văn hoá Việt Nam	3	45	
9	VHNB	521	Văn hoá Nam Bộ	3	45	
10	VHTG	522	Văn hoá tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam	3	45	
11	VHQL	557	Quản lý văn hoá	3	45	
12	VHXXH	558	Xã hội học văn hoá	3	45	
13	VHHĐ	544	Tổ chức hoạt động nhà văn hoá	2	30	
14	VNDG	524	Văn hoá dân gian	2	30	
15	VHKT	564	Kỹ thuật trình bày luận văn	2	30	
16			Xét duyệt đề cương luận văn Thạc sĩ			
17	VHLV	820	Luận văn	20		
Tổng cộng				60		

II. Hình thức và thời gian đào tạo

- Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy.
- Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ là 02 năm học được tính từ ngày có quyết định trúng tuyển. Nếu hết thời gian đào tạo, học viên chưa hoàn thành chương trình đào tạo và có lý do chính đáng thì thực hiện gia hạn thời gian đào tạo và đóng phí gia hạn theo quy định của Trường.
- Thời gian đào tạo kéo dài tối đa không quá 02 năm.
- Kế hoạch đào tạo:

Nội dung thực hiện	Biểu đồ thời gian (tháng)																																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24									
	2021			2022									2023																				
	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9									
Thực hiện các học phần trong chương trình đào tạo	■																																
Viết đề cương luận văn													■	■	■																		
Xét duyệt đề cương																																	
Chỉnh sửa đề cương chi tiết và nhận quyết định giao đề tài																																	
Thực hiện luận văn thạc sĩ																																	
Nộp và hoàn thành các thủ tục bảo vệ luận văn																																	
Tổ chức Hội đồng đánh giá luận văn, xét và công nhận tốt nghiệp																																	

III. Tổ chức đào tạo

- Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo học chế tín chỉ.
- Ngôn ngữ chính thức dùng trong đào tạo thạc sĩ là tiếng Việt
- Các khóa học trình độ thạc sĩ được tổ chức tập trung toàn bộ thời gian cho việc học tập, nghiên cứu để thực hiện chương trình đào tạo.
- Tổ chức giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo thạc sĩ được thực hiện bằng cách phối hợp học tập ở trên lớp với tự học, tự nghiên cứu; coi trọng năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của học viên.
- Đầu khóa học, Phòng ĐTSĐH thông báo cho học viên về chương trình đào tạo toàn khóa, các học phần trong chương trình; kế hoạch học tập; kế hoạch kiểm tra, thi; thời gian tổ chức bảo vệ và bảo vệ lại luận văn; các quy định của Trường có liên quan đến khóa học.

IV. Quản lý học vụ cao học

Trên cơ sở kết quả trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh SĐH và chuyên ngành đào tạo. Mỗi khóa học được chia thành các lớp theo chuyên ngành, mỗi lớp đề cử ban cán sự gồm lớp trưởng và lớp phó và gửi danh sách đến Phòng ĐTSĐH. Trong quá trình học tập, mỗi lớp có sự hỗ trợ của chuyên viên phòng sau đại học (danh sách chuyên viên phụ trách được đăng tải trên website Phòng ĐTSĐH)

1. Phòng Đào tạo SĐH thực hiện công việc quản lý học vụ cao học. Cụ thể như sau:

- Quản lý và lưu trữ kết quả học tập của tất cả học viên; cấp bảng điểm, xác nhận kết quả học tập, thời gian học tập, chương trình đào tạo... cho học viên;

- Tiếp nhận và xử lý các yêu cầu về học vụ cho học viên như tạm dừng, nhập học lại, hoãn thi, miễn học, miễn thi, ...;

- Cấp giấy chứng nhận học viên, giấy giới thiệu, ... theo yêu cầu của học viên;

2. Khoa chuyên môn hỗ trợ học viên về mặt học thuật, giúp đỡ, tư vấn cho học viên về: Nội dung, chương trình đào tạo, hướng nghiên cứu luận văn, các hoạt động sinh hoạt học thuật tại khoa. Hỗ trợ và tư vấn chuyên môn giúp học viên hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách tốt nhất;

3. Phòng Kế hoạch – Tài vụ thực hiện thu và xác nhận học phí.

4. Trung tâm học liệu hỗ trợ, hướng dẫn học viên cao học và nghiên cứu sinh tìm kiếm, sử dụng tài liệu phục vụ công tác đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học.

V. Trách nhiệm của học viên

- Nắm vững và thực hiện nội dung Chương trình đào tạo, quy định tổ chức và quản lý đào tạo chuyên ngành liên quan. Học viên có thể liên hệ với chuyên viên phụ trách lớp của Phòng ĐTSĐH, giáo vụ của Khoa, hay giảng viên giảng dạy các học phần để được hướng dẫn chi tiết và trợ giúp;

- Thường xuyên theo dõi thông báo học vụ liên quan (đăng tải trên trang Web Phòng Đào tạo SĐH của Trường; Khoa) để thực hiện các học vụ yêu cầu theo quy trình và thời hạn quy định;

- Đóng học phí theo quy định;

- Bảo mật tài khoản truy cập thông tin học vụ được Nhà trường cung cấp.

VI. Xét miễn học phần triết học và bảo lưu kết quả học tập

1. Trường hợp học viên đã tốt nghiệp thạc sĩ các ngành trong chương trình đào tạo có học phần Triết học do các Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định có số tín chỉ lớn hơn hoặc bằng số tín chỉ của học phần Triết học trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường; học viên có bằng Cử nhân chính trị; bằng Cao cấp lý luận chính trị được xem xét miễn học, học viên làm đơn xin miễn học phần Triết học kèm theo bằng cấp và bảng điểm có chứng thực gửi đến phòng ĐTSĐH.

2. Xét bảo lưu kết quả học phần (chuyển điểm)

- Đối tượng được xem xét bảo lưu gồm:

+ Là học viên cao học của Trường Đại học Trà Vinh.

+ Là người đã trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ do các cơ sở đào tạo khác.

- Các học phần xin chuyển điểm phải có cùng bậc đào tạo, cùng tên môn, có số tín chỉ lớn hơn hoặc bằng số tín chỉ của học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ hiện hành của Trường.

- Đối với người học đã tham gia chương trình đào tạo thạc sĩ nhưng chưa được cấp bằng tốt nghiệp thì thời gian bảo lưu không quá 3 năm (chương trình đào tạo 1,5 năm) hoặc không quá 4 năm (chương trình đào tạo 2,0 năm) tính từ ngày có quyết định công nhận trúng tuyển.

VII. Dự thi kết thúc học phần

1. Điều kiện dự thi:

Học viên được dự kỳ thi kết thúc học phần khi đáp ứng quy định học tập của học phần liên quan.

Quy định học tập của học phần do giảng viên phụ trách giảng dạy quy định, căn cứ vào đề cương học phần để quyết định và phải phổ biến cho học viên trong đề cương chi tiết vào giờ giảng dạy đầu tiên của học phần; học viên cần đáp ứng theo quy định giờ lên lớp, điểm quá trình của học phần và đóng học phí đầy đủ.

Học viên bị cấm thi phải học lại và thi lại học phần đó.

2. Vắng thi: Học viên vắng thi không phép sẽ bị điểm “0” cho điểm thi kết thúc học phần.

3. Hoãn thi: Trường hợp vì lý do bất khả kháng không thể tham dự được kỳ thi kết thúc học phần, học viên phải làm đơn xin hoãn thi và nộp cho Phòng ĐTSĐH/Khoa chuyên môn trước buổi thi kết thúc học phần. Trường hợp đặc biệt (ốm đau, tai nạn,...), Học viên có thể nộp đơn hoãn thi kèm minh chứng liên quan trong vòng 05 ngày (theo ngày làm việc) kể từ ngày thi kết thúc học phần.

Để được dự thi kết thúc học phần đã hoãn thi, học viên phải nộp đơn xin dự thi (kèm đơn xin hoãn thi đã được phê duyệt chấp thuận) cho Phòng ĐTSĐH/Khoa chuyên môn ít nhất 30 ngày trước ngày thi kết thúc học phần được tổ chức.

4. Đánh giá kết quả học tập: Mỗi học phần gồm 02 phần điểm

Việc đánh giá điểm thành phần và điểm thi kết thúc chuyên đề do người dạy quy định và tổ chức. Điểm quá trình từ 30% đến 50%, điểm đánh giá kết thúc từ 50% đến 70% tùy thuộc vào từng học phần;

+ Học viên vắng mặt có lý do chính đáng (được cơ quan có thẩm quyền xác nhận) trong kỳ kiểm tra học phần được kiểm tra bổ sung (hình thức kiểm tra do giáo viên giảng dạy quyết định theo quy định hiện hành).

+ Học viên được dự thi kết thúc học phần khi có điểm quá trình trên lớp theo quy định của học phần và đóng học phí đầy đủ.

+ Trường hợp học viên không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần hoặc kết quả học phần dưới 4.0 điểm sẽ phải đăng ký học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn) và phải tự túc kinh phí học tập.

+ Điểm học phần là tổng của điểm kiểm tra quá trình và điểm đánh giá kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Nếu điểm trung bình chung các học phần chưa đạt 5,5 trở lên thì học viên phải đăng ký học lại một hoặc một số học phần có điểm dưới 5,5 hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn). Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong 2 lần học.

VIII. Tạm dừng học và bảo lưu kết quả học tập

- Học viên được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp: Được điều động vào lực lượng vũ trang hoặc làm nghĩa vụ quốc tế; bị ốm, bị tai nạn phải điều trị thời gian dài hoặc nghỉ thai sản theo quy định, có giấy xác nhận của

ơ quan y tế có thẩm quyền. Đối với các trường hợp khác, Trường chỉ giải quyết cho nghỉ học tạm thời đối với học viên đã học tối thiểu 01 học kỳ tại Trường, đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10 và không bị kỷ luật;

- Thời gian nghỉ học tạm thời cho người được điều động vào lực lượng vũ trang, đi làm nghĩa vụ quốc tế là thời gian được ghi trong quyết định của cấp có thẩm quyền

- Thời gian nghỉ học tạm thời tối đa 12 tháng cho các trường hợp khác là thời gian cần thiết theo nhu cầu, nguyện vọng của học viên nhưng thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định.

- Tổng thời gian bảo lưu tối đa là 2 năm. Sau thời gian bảo lưu, học viên làm phiếu đăng ký tiếp tục học để Nhà trường sẽ xem xét và sắp xếp học viên tham gia lớp học phù hợp.

Buộc thôi học trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành học phí hoặc nghỉ học không lý do trong 02 học kỳ liên tiếp (mỗi học kỳ là 06 tháng).

- Không đủ điều kiện tốt nghiệp khi hết thời gian đào tạo theo quy định.

IX. Xây dựng đề cương luận văn thạc sĩ

- Xây dựng đề cương luận văn thạc sĩ (đề cương) là nội dung bắt buộc đối với các học viên đang theo học chương trình thạc sĩ. Học viên phải chuẩn bị đề cương luận văn ít nhất 02 tháng trước khi được giao đề tài và phân công người hướng dẫn khoa học.

- Căn cứ danh sách học viên đủ điều kiện thực hiện đề cương luận văn, Khoa chuyên môn giới thiệu người hướng dẫn đề cương và tổ chức hướng dẫn học viên xây dựng đề cương theo qui định.

- Học viên được quyền chủ động đề xuất người hướng dẫn đề cương, đề tài luận văn (Học viên có thể liên hệ trước và được người hướng dẫn chấp thuận). Trường hợp học viên không đề xuất được người hướng dẫn, Học viên sẽ chịu sự phân công người hướng dẫn từ Khoa chuyên môn.

Số lượng tối đa được hướng dẫn trong cùng thời gian:

+ GS.TS được hướng dẫn tối đa 07 học viên;

+ TSKH hoặc PGS.TS được hướng dẫn tối đa 05 học viên;

+ Tiến sĩ từ 01 năm trở lên được hướng dẫn tối đa 03 học viên.

Người hướng dẫn khoa học cùng với học viên xác định tên đề tài và đề cương nghiên cứu. Học viên chính thức đăng ký tên đề tài với sự xác nhận của người hướng dẫn và nộp về Khoa chuyên môn 04 quyển đề cương theo thông báo cụ thể của Trường.

X. Tổ chức xét duyệt đề cương, giao đề tài và theo dõi quá trình thực hiện luận văn.

- Hội đồng xét duyệt đề cương mang tính chất tư vấn, góp ý về tính phù hợp hay không phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo. Đề xuất hoặc định hướng nghiên cứu cho học viên tiếp cận.

- Kết quả xét duyệt đề cương theo 3 mức: Đạt; Đạt (có yêu cầu sửa chữa); Viết lại đề cương mới.

- Nếu kết quả đánh giá đề cương là đạt (có yêu cầu sửa chữa), học viên chỉnh sửa đề cương theo yêu cầu của hội đồng đánh giá đề cương và Khoa, Bộ môn sẽ kiểm tra và xác nhận nội dung sửa chữa đã chỉnh sửa của học viên.

- Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày bảo vệ đề cương, học viên nộp lại bản giải trình bổ sung, chỉnh sửa và toàn bộ quyển đề cương có xác nhận của người hướng dẫn và khoa chuyên môn.

- Trường hợp kết quả xét duyệt đề cương là Không đạt, học viên xin ý kiến người hướng dẫn để tiến hành thẩm định đề cương vào đợt tiếp theo, hoặc cùng với người hướng dẫn tự chỉnh sửa, hoàn thiện đề cương theo góp ý của hội đồng đề cương và chịu trách nhiệm với đề cương đã chỉnh sửa, Trường không tổ chức hội đồng xét duyệt đề cương riêng lần hai đối với các đề cương không đạt yêu cầu.

- Phòng ĐTSĐH thực hiện các thủ tục trình Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài cho học viên và phân công người hướng dẫn trước khi tổ chức bảo vệ luận văn ít nhất 06 tháng, trên cơ sở đề nghị của trưởng khoa chuyên môn và trưởng phòng Đào tạo Sau đại học;

Việc thay đổi đề tài trước khi tổ chức bảo vệ luận văn do Hiệu trưởng ra quyết định, trên cơ sở đơn đề nghị của học viên, được người hướng dẫn và trưởng khoa chuyên môn đồng ý. Việc thay đổi đề tài trong những trường hợp khác do Hiệu trưởng quy định.

XI. Thay đổi thực hiện luận văn

Trường hợp có yêu cầu, học viên và người hướng dẫn được quyền đề nghị thay đổi thực hiện luận văn theo qui định như sau:

1. Điều chỉnh tên đề tài: Học viên phải có đơn được sự chấp thuận của người hướng dẫn khoa học và Khoa chuyên môn, nộp cho phòng ĐTSĐH chậm nhất là 15 ngày trước ngày hoàn thành luận văn.

2. Thay đổi đề tài, thay đổi người hướng dẫn khoa học: Học viên phải được sự đồng ý của người hướng dẫn khoa học, khoa chuyên môn, Học viên gửi đơn cho Phòng ĐTSĐH và thực hiện lại toàn bộ các thủ tục liên quan đến việc xây dựng đề cương luận văn, đánh giá đề cương luận văn, giao đề tài và thực hiện luận văn.

3. Gia hạn thời gian thực hiện Luận văn và thời gian đào tạo:

Căn cứ vào thời gian đào tạo trong quyết định trúng tuyển. Học viên được phép gia hạn luận văn như sau:

Dựa vào quyết định giao đề tài và người hướng dẫn, nếu học viên chưa hoàn thành luận văn, có lý do chính đáng và được sự đồng ý của người hướng dẫn khoa học, khoa chuyên môn sẽ được Trường xem xét gia hạn thêm thời gian thực hiện luận văn cho mỗi đợt gia hạn là 6 tháng. Thời gian thực hiện gia hạn gửi về Phòng ĐTSĐH ít nhất là 15 ngày trước thời hạn quy định hoàn thành luận văn trong quyết định giao đề tài.

Học viên hoàn thành phí gia hạn thời gian đào tạo theo quy định.

XII. Bảo vệ luận văn

- Học viên được bảo vệ luận văn khi có đủ các điều kiện dưới đây:

○ Đã tích lũy đủ số tín chỉ theo yêu cầu của chương trình đào tạo thạc sĩ và hoàn thành luận văn trong thời hạn đào tạo tối đa cho phép, có điểm trung bình chung tích lũy các học phần đạt từ 5,5 trở lên;

○ Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra quy định của trường ĐH Trà Vinh.

○ Có đơn xin bảo vệ và cam đoan về kết quả nghiên cứu trung thực và có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt yêu cầu theo quy định;

○ Luận văn đạt yêu cầu theo quy định về trích dẫn và chống đạo văn của Trường.

- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

- Đã hoàn thành các thủ tục hành chính theo quy định.

- Luận văn thạc sĩ được đánh giá công khai tại hội đồng đánh giá luận văn. Luận văn có liên quan tới bí mật quốc gia được bảo vệ theo hướng dẫn riêng.

- Điểm nội dung luận văn tối đa 9 điểm, điểm thành tích nghiên cứu tối đa 1 điểm cho luận văn mà học viên có bài báo khoa học liên quan công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành. Trong đó,

- **Đối với các công bố quốc tế:** Thống nhất ghi tên đơn vị công tác của tác giả là “Tra Vinh University” và email học viên của Trường.

- **Đối với các công bố trong nước:** Thống nhất ghi tên đơn vị công tác của tác giả là “Trường Đại học Trà Vinh” và email học viên của Trường.

- Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng có mặt trong buổi bảo vệ được làm tròn đến một chữ số thập phân. Luận văn đạt yêu cầu khi có điểm trung bình từ 5,5 trở lên.

- Trong trường hợp luận văn không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh chữa, bổ sung để bảo vệ luận văn lần thứ hai (bảo vệ lại). Lịch bảo vệ lại luận văn do Trường ấn định trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất. Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, tổ chức đánh giá lần thứ hai do học viên tự chi trả. Không tổ chức bảo vệ luận văn lần thứ ba.

- Hồ sơ bảo vệ luận văn

Học viên nộp cho phòng ĐTSĐH

- + Đơn xin bảo vệ luận văn (theo mẫu);

- + Phiếu nhận xét của người hướng dẫn khoa học (theo mẫu);

- + Bản sao biên lai thu học phí kỳ cuối hoặc bản sao biên lai gia hạn gần nhất;

- + Chứng chỉ ngoại ngữ (có chứng thực) trong thời hạn quy định;

- + Bài báo khoa học (nếu có): Photo trang bìa, trang mục lục, nội dung bài báo;

- + Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học;

- + **01** file word và **01** file pdf toàn văn nội dung của luận văn đến địa chỉ email: luanvan@sdh.tvu.edu.vn).

- Quy cách đặt tên file và tiêu đề email cụ thể như sau:

LUAN VAN BV _ HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN (VIẾT HOA KHÔNG DẤU)_MÃ SỐ HỌC VIÊN

Ví dụ: Nguyễn Văn A, Mã số học viên: 123456789 sẽ đặt tên file word (.doc, hoặc .docx) và file pdf như sau: **LUAN VAN BV_NGUYEN VAN A_123456789**

+ 06 quyển luận văn hoàn chỉnh, in một mặt, đóng bìa mềm, màu xanh dương. (Học viên gửi trước 01 quyển luận văn để Phòng kiểm tra hình thức trước khi học viên nộp 06 quyển luận văn cùng hồ sơ xin bảo vệ).

- Thông tin bảo vệ luận văn được thông báo đến học viên qua email hoặc trên website của Phòng ĐTSĐH.

XIII. Hồ sơ sau bảo vệ luận văn

- Đối với các luận văn đạt yêu cầu, sau bảo vệ học viên cần hoàn thành các hồ sơ sau:

+ Trong vòng 20 ngày kể từ ngày bảo vệ luận văn, học viên nộp về phòng ĐTSĐH bản giải trình chỉnh sửa, bổ sung luận văn theo biên bản của hội đồng có chữ ký xác nhận của người hướng dẫn và các thành viên hội đồng (biểu mẫu).

+ 01 quyển luận văn đã chỉnh sửa sau khi bảo vệ (in 01 mặt, bìa mềm) kèm theo bản giải trình, Phòng Đào tạo SDH xin ý kiến chủ tịch HĐ và thông báo kết quả cho học viên.

- Đối với luận văn bảo vệ không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa luận văn để bảo vệ lần thứ hai trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bảo vệ luận văn lần thứ nhất; không tổ chức bảo vệ lần thứ ba. Thủ tục và trình tự tổ chức bảo vệ lại luận văn thực hiện như lần một.

XIV. Xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

Học viên nộp lại luận văn hoàn chỉnh:

+ Trung tâm học liệu của Trường: 01 quyển luận văn hoàn chỉnh và 01 đĩa CD chứa file luận văn hoàn chỉnh ở dạng tập tin word và pdf.

+ Phòng ĐTSĐH: 01 đĩa CD chứa file luận văn hoàn chỉnh ở dạng tập tin word và pdf và giấy xác nhận đã nộp luận văn cho Trung tâm học liệu.

Lưu ý: Luận văn in 01 mặt, đóng bìa cứng màu xanh dương đậm, chữ nhũ vàng gồm 2 phần:

Phần 1: Toàn bộ nội dung luận văn đã được chỉnh sửa, bổ sung theo góp ý của Hội đồng đánh giá luận văn

Phần 2: Đóng cùng với quyển luận văn: Quyết định giao đề tài và phân công người hướng dẫn khoa học (Quyết định điều chỉnh tên đề tài hoặc thay đổi người hướng dẫn khoa học nếu có) + Biên bản họp Hội đồng đánh giá luận văn + Bản nhận xét của 02 phản biện + Bản giải trình chỉnh sửa, bổ sung luận văn có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng

Học viên thực hiện tra cứu thông tin tốt nghiệp trên website của Phòng ĐTSĐH.

Trường sẽ tổ chức lễ tốt nghiệp và trao bằng thạc sĩ mỗi năm 02 đợt, thời gian dự kiến vào khoảng tháng 7 và tháng 12.

Các biểu mẫu liên quan trong quá trình đào tạo, học viên tải tại website của Phòng ĐTSĐH – Trường Đại học Trà Vinh theo địa chỉ <https://sdh.tvu.edu.vn> → Cao học → Biểu mẫu.

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(Kèm theo Thông tư số: 15 /2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
3/6 (Khung VN)	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
3/6 (Khung VN)	TRKI 1	DELTA B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

